TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 15-12-2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Ngọc Hà

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Hương và ông Nguyễn Văn Bảy

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 133/2025/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị T, sinh năm 1997; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 4 QH, xã QL, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1990; có mặt

Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Thôn 4 QH, xã QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2025, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chị Hồ Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn L tự nguyện yêu nhau và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An nay là xã QL, tỉnh Nghệ An ngày 11/11/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường nhưng được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do sống chung với bố mẹ chồng và luôn bất đồng quan điểm về con cái cũng như kinh tế nên hay cãi vã,

không có tiếng nói chung. Anh L đi xuất khẩu lao động bên Hàn Quốc nên vợ chồng cũng không có thời gian gần gũi để thông cảm và hiểu nhau. Cuộc sống vợ chồng ngày càng bế tắc, không thể hòa hợp được và đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay không quan tâm, hỏi han nhau nữa. Nay chị T xác định không còn tình cảm gì với anh Phạm Văn L nữa nên yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Hồ Minh N, sinh ngày 28/7/2021 và Phạm Hồ Khánh L, sinh ngày 07/01/2023. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu L và đề nghị giao cháu N cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh L trình bày:

Anh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, nhận được Quyết định xét xử nên anh đã về Việt Nam ngày 12/12/2025. Các thông báo tố tụng của Tòa án anh đều đã biết và nhận được nhưng nay anh mới về Việt Nam để tham gia phiên tòa. Về quan hệ hôn nhân, anh thống nhất với nguyên đơn về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do từ tháng 5 năm 2024 chị T tự ý bỏ đi, bỏ chồng bỏ con mà không nói với gia đình chồng một lời nào. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh nhất trí ly hôn.

Về con chung, vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày, ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 06/10/2025, bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ anh Phạm Văn L cho biết: Anh Phạm Văn L trước khi xuất cảnh có cư trú tại: Thôn 4 QH, xã QL, tỉnh Nghệ An. Anh L đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, địa chỉ cụ thể như thế nào thì bà H không rõ. Anh L thường xuyên liên lạc với bà H và gia đình qua mạng xã hội facebook, zalo...và qua điện thoại. Sau khi nhận được văn bản của Toà án, bà đã thông báo cho anh L được biết về việc chị T yêu cầu ly hôn với anh L bằng cách chụp các thông báo tố tụng của Tòa án và gửi cho anh L biết. Đồng thời, thông tin cho anh L biết để cung cấp địa chỉ nơi cư trú tại Hàn Quốc và trình bày ý kiến về việc yêu cầu ly hôn, nuôi con chung chưa thành niên cho Toà án nhưng anh L không cung cấp. Về việc ly hôn với chị T, qua liên lạc thì anh L cũng đồng ý ly hôn, về con anh L muốn trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nếu không được nuôi cả 2 con thì anh L yêu cầu chia tài sản chung với chị T.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Lưu: Chị Hồ Thị T và anh Phạm Văn L có đăng ký kết hôn tại xã UBND xã QH, huyện QL nay là xã QL, đúng quy định pháp luật. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn địa phương không nắm được, do không qua hòa giải tại cơ sở. Theo kiểm tra dữ liệu thì thấy anh L và chị T có 02 con chung. Qua thông tin cơ sở thì thấy các con chung có khi sống bên nội, có khi sống bên ngoại. Anh L hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc từ tháng 03 năm 2023 và hiện nay chưa về địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đầy đủ pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án xử cho chị Hồ Thị T được ly hôn anh Phạm Văn L; về con chung: Giao con chung Phạm Hồ Minh N, sinh ngày 28/7/2021 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Hồ Khánh L, sinh ngày 07/01/2023 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T, anh L vì không ai có yêu cầu; về tài sản không xem xét vì đương sự không yêu cầu; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Hồ Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Phạm Văn L, đây là vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Trước khi xuất cảnh anh L có hộ khẩu thường trú tại thôn 4 QH, xã QL, tỉnh Nghệ An. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập được lời trình bày của bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của anh Phạm Văn L thì có căn cứ xác định hiện nay anh L đang cư trú tại nước ngoài và vẫn liên lạc về với gia đình. Anh L đã biết được việc chị Hồ Thị T làm đơn xin ly hôn đối với anh L tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các giấy tờ, văn bản tố tụng cho anh L, tại phiên tòa anh L có mặt để tham gia giải quyết vụ án. Nguyên đơn chị Hồ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 227 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị T và anh Phạm Văn L có đăng ký kết hôn ngày 11/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã QH nay là UBND xã QL,

tỉnh Nghệ An. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, theo chị T thì mâu thuẫn do sống chung với bố mẹ chồng nên hay xích mích, hai bên luôn bất đồng quan điểm, hay cãi nhau và không có tiếng nói chung về nuôi con và kinh tế gia đình; hai bên hiện nay đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau từ năm 2024 đến nay; còn theo anh L là do chị T tự ý bỏ đi mà không nói với chồng và gia đình nhà chồng, điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Chị T kiên quyết ly hôn, anh L cũng đồng ý ly hôn. Nhận thấy rằng mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nên cần xử cho chị Hồ Thị T được ly hôn anh Phạm Văn L là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung là Phạm Hồ Minh N, sinh ngày 28/7/2021 và Phạm Hồ Khánh L, sinh ngày 07/01/2023. Hiện tại các con chung đang ở với gia đình bên nội cũng có thời gian thì sang gia đình bên ngoại chị T. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi cháu L và giao cháu N cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; anh L lại có nguyện vọng được nuôi cả hai con, nếu không được nuôi cả hai con thì anh đề nghị giải quyết về tài sản. Xét thấy hiện tại anh L cũng đi làm bên nước ngoài, điều kiện để nuôi con của anh L và chị T như nhau. Cháu L chưa đủ 36 tháng tuổi và rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Do đó cần giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu N cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị T, anh L không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết. Anh L trình bày trường hợp anh không được nuôi hai con thì anh yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Tòa án đã giao trách nhiệm cho anh để làm đơn về yêu cầu giải quyết về tài sản nhưng anh L không cung cấp tài liệu chứng minh và không làm đơn nên Tòa án không có căn cứ giải quyết. Nếu các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị T.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hồ Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn L.

2.2. Về con chung: Giao con chung Phạm Hồ Minh N, sinh ngày 28/7/2021 cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Hồ Khánh L, sinh ngày 07/01/2023 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T, anh L vì không ai có yêu cầu.

Chị Hồ Thị T, anh Phạm Văn L có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cấm cản trở.

Vì quyền L của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản: Chị Hồ Thị T và anh Phạm Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án sẽ giải quyết khi đương sự có đơn yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác.

3. Về án phí: Chị Hồ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0004232 ngày 03/10/2025.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 4 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã QL (xã QH cũ nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Hà